TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **102**/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 19 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 96/2019/TLST-VDS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 84/2, đường Nguyễn Văn L, Tổ 2, Khu phố Chánh Lộc 5, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Lê Thị Thúy, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Xã X, huyện T, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số 84/2, đường Nguyễn Văn L, Tổ 2, Khu phố Chánh Lộc 5, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 10/9/2007 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã (nay là thành phố) M, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn ông T, bà Th chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Ông T, bà Th nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả nên đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T, bà Th yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T, bà Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 25/7/2007 và Nguyễn Duy B, sinh ngày 19/01/2010. Sau khi ly hôn, ông T, bà Th thỏa thuận 02 con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T, bà Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2007 do UBND phường Chánh Mỹ, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/9/2007).

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 25/7/2007 và Nguyễn Duy B, sinh ngày 19/01/2010.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T, bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Th. Bà Th không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của ông T. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th mỗi người nộp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033573 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. M;
- Chi cục THADS TP. M;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình